



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Thông tin về Công ty**

---

**Quyết định số** 2405/QĐ-CT.UB ngày 5 tháng 8 năm 2004

Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp.

**Giấy phép Kinh doanh** Số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp vào ngày 15 tháng 9 năm 2004. Giấy phép Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 1800156801 được cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Phạm Thị Việt Nga	Chủ tịch
Bà Lê Minh Hồng	Phó Chủ tịch
Ông Lê Chánh Đạo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên
Ông Đoàn Đình Duy Khương	Thành viên
Ông Nguyễn Như Song	Thành viên
Ông Lê Đình Bửu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Sĩ Trung Kỳ	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Phạm Thị Việt Nga	Tổng Giám đốc
Bà Lê Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Chánh Đạo	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Ánh Như	Trưởng ban
Ông Trần Quốc Hưng	Thành viên
Ông Đinh Đức Minh	Thành viên

**Trụ sở đăng ký** 288 Bis Nguyễn Văn Cự, Phường An Hòa  
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2010**

---

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/9/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>1.315.544.676.177</b>	<b>1.212.468.335.434</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>548.123.035.520</b>	<b>584.128.534.956</b>
Tiền	111		251.712.378.259	162.206.364.906
Các khoản tương đương tiền	112		296.410.657.261	421.922.170.050
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>16.037.166.667</b>
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>4</b>	<b>395.241.671.331</b>	<b>296.978.172.666</b>
Phải thu thương mại	131		291.634.424.205	250.454.852.730
Trả trước cho người bán	132		48.873.960.201	26.407.748.971
Phải thu khác	135		66.515.573.972	23.553.146.919
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(11.782.287.047)	(3.437.575.954)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>362.123.194.383</b>	<b>306.731.856.718</b>
Hàng tồn kho	141		365.089.162.494	311.576.681.540
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.965.968.111)	(4.844.824.822)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.056.774.943</b>	<b>8.592.604.427</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.786.625.327	533.511.176
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		89.335.825	130.507.156
Tài sản ngắn hạn khác	158		8.180.813.791	7.928.586.095

---

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/9/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>349.602.684.282</b>	<b>309.504.424.142</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>262.263.739.921</b>	<b>237.015.139.115</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	<b>6</b>	142.372.627.691	118.833.144.230
<i>Nguyên giá</i>	222		275.993.581.850	231.889.301.477
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(133.620.954.159)	(113.056.157.247)
Tài sản cố định vô hình	227	<b>7</b>	117.932.955.512	112.919.647.760
<i>Nguyên giá</i>	228		121.530.032.011	113.634.980.185
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(3.597.076.499)	(715.332.425)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>8</b>	1.958.156.718	5.262.347.125
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>3.660.801.796</b>	<b>-</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		4.787.298.437	-
<i>Khấu hao lũy kế</i>	242		(1.126.496.641)	-
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>41.432.765.558</b>	<b>31.255.356.135</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		34.045.596.807	23.868.187.384
Đầu tư dài hạn khác	258		11.901.050.200	11.901.050.200
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(4.513.881.449)	(4.513.881.449)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>42.245.377.007</b>	<b>41.233.928.892</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>11</b>	36.890.837.377	36.189.123.770
Tài sản thuế hoãn lại	262	<b>27</b>	3.478.872.364	3.413.954.004
Tài sản dài hạn khác	268		1.875.667.266	1.630.851.118
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.665.147.360.459</b>	<b>1.521.972.759.576</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>486.430.820.957</b>	<b>503.816.007.462</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>434.141.836.673</b>	<b>450.873.538.165</b>
Vay ngắn hạn	311	12	16.217.131.913	73.979.662.132
Phải trả thương mại	312	13	72.241.252.191	71.352.673.093
Khách hàng tạm ứng	313		1.578.006.641	1.094.516.164
Thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà nước	314	14	21.214.822.101	35.634.035.125
Phải trả cho nhân viên	315		114.924.205.367	84.118.277.067
Chi phí trích trước	316	15	140.487.155.977	161.165.177.394
Phải trả khác	319		32.123.230.904	14.743.628.344
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	16	35.356.031.579	8.785.568.846
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>52.288.984.284</b>	<b>52.942.469.297</b>
Doanh thu chưa thực hiện	333		119.417.273	
Nợ thuế hoãn lại	335	27		53.099.844
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	17	13.939.537.645	14.189.209.835
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	18	38.230.029.366	38.700.159.618
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.170.363.094.650</b>	<b>1.010.375.905.079</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.170.363.094.650</b>	<b>1.010.375.905.079</b>
Vốn cổ phần	411	19	269.129.620.000	266.629.620.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		378.761.392.824	378.761.392.824
Cổ phiếu ngân quỹ	414	19	(455.850.000)	(410.400.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	416		204.329.442.743	4.658.004.486
Quỹ dự phòng tài chính	418		64.215.412.933	29.744.900.881
Lợi nhuận chưa phân phối	420		254.383.076.150	330.992.386.888
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>8.353.444.852</b>	<b>7.780.847.035</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.665.147.360.459</b>	<b>1.521.972.759.576</b>

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Phạm Huyền Nhung  
*Kế toán trưởng*

Lê Chánh Đạo  
*Phó Tổng Giám đốc*

ngày 27 tháng 10 năm 2010

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>520.021.503.626</b>	<b>430.060.787.277</b>	<b>1.385.714.878.206</b>	<b>1.236.175.080.103</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>21</b>	<b>(2.257.959.299)</b>	<b>(5.917.336.764)</b>	<b>(13.135.888.519)</b>	<b>(18.265.812.642)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>517.763.544.327</b>	<b>424.143.450.513</b>	<b>1.372.578.989.687</b>	<b>1.217.909.267.461</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>22</b>	<b>(265.216.975.087)</b>	<b>(196.139.580.434)</b>	<b>(701.205.797.462)</b>	<b>(569.041.875.742)</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>252.546.569.240</b>	<b>228.003.870.079</b>	<b>671.373.192.225</b>	<b>648.867.391.719</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	10.478.002.515	6.741.249.425	30.779.853.385	16.986.317.334
Chi phí hoạt động tài chính	22	24	(727.099.745)	(4.958.884.339)	(2.453.668.038)	(27.254.052.438)
Chi phí bán hàng	24		(129.537.209.947)	(115.848.636.151)	(311.689.618.187)	(305.126.023.821)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(43.355.835.155)	(31.142.584.430)	(106.151.428.292)	(87.424.285.360)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>89.404.426.908</b>	<b>82.795.014.584</b>	<b>281.858.331.093</b>	<b>246.049.347.434</b>
<b>Kết quả các hoạt động khác</b>	<b>40</b>					
Thu nhập khác	31	25	6.300.058.344	1.085.438.509	8.537.331.688	1.607.271.460
Chi phí khác	32	26	(6.292.953.304)	(187.936.792)	(8.552.433.299)	(900.037.990)
<b>Lỗ từ công ty liên kết</b>	<b>30</b>	<b>10</b>	<b>(85.866.426)</b>		<b>(2.754.261.027)</b>	<b>(301.898.360)</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>89.325.665.522</b>	<b>83.692.516.301</b>	<b>279.088.968.455</b>	<b>246.454.682.544</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	50		89.325.665.522	83.692.516.301	279.088.968.455	246.454.682.544
Chi phí thuế thu nhập hiện hành (Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	51 52	27 27	(10.520.286.556)	(8.047.577.664)	(33.096.415.838)	(24.022.595.562)
Lợi nhuận thuần	60		122.599.605	332.962.131	118.018.654	517.882.207
<b>Phân bổ cho:</b>						
Cổ đông thiểu số	61		381.561.403	1.328.928.229	1.810.186.083	2.384.040.154
Chủ sở hữu của Công ty	62		78.546.417.168	74.648.972.539	244.300.385.188	220.565.929.035
Lợi nhuận thuần	60		78.927.978.571	75.977.900.768	246.110.571.271	222.949.969.189
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.920	2.801	9.081	8.275

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Phạm Huyền Nhung  
*Kế toán trưởng*

Lê Chánh Đạo  
*Phó Tổng Giám đốc*

ngày 27 tháng 10 năm 2010

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010**

	<b>Vốn cổ phần VNĐ</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VNĐ</b>	<b>Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ</b>	<b>Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VNĐ</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	200.000.000.000	378.761.392.824	(292.500.000)	38.460.772.279	21.962.409.519	62.247.037.940	701.139.112.562
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(117.900.000)	-	-	-	(117.900.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	220.565.929.035	220.565.929.035
					7.782.491.362		
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	32.826.852.207		(40.609.343.569)	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(17.727.303.563)	(17.727.303.563)
Phí Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(29.988.795.000)	(29.988.795.000)
<b>Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2009</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>378.761.392.824</b>	<b>(410.400.000)</b>	<b>71.287.624.486</b>	<b>29.744.900.881</b>	<b>194.487.524.843</b>	<b>873.871.043.034</b>
Cổ phiếu thưởng	66.629.620.000	-	-	(66.629.620.000)	-	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	136.504.862.045	136.504.862.045
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	<b>266.629.620.000</b>	<b>378.761.392.824</b>	<b>(410.400.000)</b>	<b>4.658.004.486</b>	<b>29.744.900.881</b>	<b>330.992.386.888</b>	<b>1.010.375.905.079</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

	<b>Vốn cổ phần VNĐ</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VNĐ</b>	<b>Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ</b>	<b>Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VNĐ</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	266.629.620.000	378.761.392.824	(410.400.000)	4.658.004.486	29.744.900.881	330.992.386.888	1.010.375.905.079
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(136.800.000)	-	-	-	(136.800.000)
Cổ phiếu quỹ tái phát hành	2.500.000.000	-	91.350.000	-	-	-	2.591.350.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	244.300.385.188	244.300.385.188
Cổ tức	-	-	-	-	-	(39.977.508.000)	(39.977.508.000)
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	199.671.438.257	34.470.512.052	(234.141.950.309)	0
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(35.018.979.713)	(35.018.979.713)
Phí cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(11.771.257.904)	(11.771.257.904)
<b>Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2010</b>	<b>269.129.620.000</b>	<b>378.761.392.824</b>	<b>(455.850.000)</b>	<b>204.329.442.743</b>	<b>64.215.412.933</b>	<b>254.383.076.150</b>	<b>1.170.363.094.650</b>

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Phạm Huyền Nhung  
Kế toán trưởng

Lê Chánh Đạo  
Phó Tổng Giám đốc

ngày 27 tháng 10 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>279.088.968.455</b>	<b>246.454.682.544</b>
<b>Điều chỉnh cho</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		29.535.496.384	21.947.470.666
Các khoản dự phòng	03		6.216.182.192	14.449.496.642
Lãi từ thanh lý tài sản	04		(1.840.720.460)	-
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(25.039.731.673)	(16.467.079.378)
Chi phí lãi vay	06		1.304.528.070	1.959.257.883
Lỗ từ công ty liên kết	07		3.280.041.027	301.898.360
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>292.544.763.995</b>	<b>268.645.726.717</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(103.216.825.567)	4.483.517.320
Biến động hàng tồn kho	10		(53.512.480.954)	(37.252.148.012)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		27.885.344.340	12.015.036.103
Biến động chi phí trả trước	12		(1.954.827.758)	(20.247.909.352)
			<b>161.745.974.056</b>	<b>227.644.222.776</b>
Lãi vay đã trả	13		(1.742.173.614)	(1.601.985.122)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(45.899.412.557)	(23.147.661.344)
Thu khác cho hoạt động kinh doanh	15		-	340.280.000
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(21.927.493.393)	(37.705.657.105)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>92.176.894.492</b>	<b>165.529.199.205</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(65.745.700.773)	(45.346.405.971)
Thu từ điều chỉnh giá mua quyền sử dụng đất	22		5.364.173.499	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		3.777.348.739	206.530.046
Tiền cho các đơn vị khác vay	23		(6.125.847.736)	(29.597.631.620)
Tiền cho vay thu về từ các đơn vị khác	23		-	20.370.092.420
Thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24		16.037.166.667	-
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(13.615.000.000)	(4.200.000)
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	26		157.550.000	-
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		27.253.403.895	13.548.000.470
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(32.896.905.709)</b>	<b>(40.823.614.655)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

	Mã Thuyết số minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Thu từ tái phát hành cổ phiếu	31	2.591.350.000	-
Mua lại cổ phiếu ngân quỹ	32	(136.800.000)	(117.900.000)
Thu từ nợ vay ngắn hạn	33	23.106.560.177	181.554.021.902
Thanh toán nợ	34	(80.869.090.396)	(79.690.914.318)
Chi trả cổ tức	36	(39.977.508.000)	
<b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(95.285.488.219)</b>	<b>101.745.207.584</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(36.005.499.436)</b>	<b>226.450.792.134</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>584.128.534.956</b>	<b>211.742.360.663</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>548.123.035.520</b>	<b>438.193.152.797</b>

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Phạm Huyền Nhung  
*Kế toán trưởng*

Lê Chánh Đạo  
*Phó Tổng Giám đốc*

ngày 27 tháng 10 năm 2010

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010**

---

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang** (“Công ty”) là một công ty cổ phần thành lập theo Giấy phép Kinh doanh số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 15 tháng 9 năm 2004. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con được thành lập tại Việt Nam như sau:

<b>Tên</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy phép Kinh doanh</b>	<b>% vốn sở hữu</b>	
			<b>30/9/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
<b>Công ty con</b>				
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, dịch vụ quảng cáo	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	Nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu; sản xuất, kinh doanh hóa dược; sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng	Số 1800723433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 8 năm 2008	100%	100%

---

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/9/2010	31/12/2009
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6104000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa, nhôm, giấy; in xuất bản ấn phẩm	Số 5704000183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 29 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6403000044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20 tháng 7 năm 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1601171629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5904000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1801113085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	-
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1200975943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	-

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 Tập đoàn có 2.317 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 2.270 nhân viên).

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

## **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo tài chính giữa niên độ*. Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa kỳ. Báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng một cách nhất quán.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(b) Cơ sở hợp nhất**

#### **(i) Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

#### **(ii) Các công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của Tập đoàn vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty đó. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lợi nhuận chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

**(iv) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phản ánh giá phí đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản thuần của các công ty con, công ty liên kết hoặc công ty liên doanh tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 5 năm.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con, công ty liên kết hoặc công ty liên doanh vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**(c) Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Tập đoàn lựa chọn tiếp tục áp dụng VAS 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày :	31/12/2009:	18.479 VND/USD 26.963 VND/EUR
	30/09/2010:	19.500 VND/USD 26.842 VND/EUR

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

**(e) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(f) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Điều hành cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(g) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

**(h) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(i) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 18 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 13 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 13 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm

**(j) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn**

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

**(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn**

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(iii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 7 năm.

**(k) Bất động sản đầu tư**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 5 đến 16 năm.

**(l) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(m) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Nâng cấp tài sản thuê**

Nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 39 đến 50 năm.

**(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**(o) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

**(q) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

**(ii) Cổ phiếu ngân quỹ**

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

**(r) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Phân bổ được trích lập mỗi năm cho các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

**(s) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Thu nhập cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(u) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

**(v) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

**(w) Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Ban điều hành đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và một bộ phận địa lý trọng yếu duy nhất là Việt Nam.

**(x) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

---

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/9/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tiền mặt	38.016.620.030	39.257.993.826
Tiền gửi ngân hàng	213.615.430.554	122.866.971.080
Tiền đang chuyển	80.327.675	81.400.000
Các khoản tương đương tiền	296.410.657.261	421.922.170.050
	<hr/>	<hr/>
	548.123.035.520	584.128.534.956

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 có số ngoại tệ tương đương 15.611 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 28.376 triệu VNĐ).

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại bao gồm:

	<b>30/9/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Khoản phải thu thương mại từ công ty liên kết	560.499.375	570.773.696
Khoản phải thu thương mại từ bên thứ ba	291.073.924.830	249.884.079.034
	<hr/>	<hr/>
	291.634.424.205	250.454.852.730

Khoản phải thu thương mại không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Chi phí trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 là chi phí trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

Phải thu khác bao gồm:

	<b>30/9/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Chi phí hoa hồng trả trước	48.746.905.678	7.676.998.375
Thu nhập tiền lãi phải thu	2.213.672.222	5.090.610.265
Cho vay (*)	8.111.590.582	1.985.742.846
Khác	7.443.405.490	8.799.795.433
	<hr/>	<hr/>
	<b>66.515.573.972</b>	<b>23.553.146.919</b>

(\*) Khoản này phản ánh khoản cho các công ty liên kết và các bệnh viện vay với kỳ hạn dưới một năm, không được đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 0.7% đến 13% trong kỳ (2009: từ 0.7% đến 12%).

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ từ 1/1/2010</b>	<b>Kỳ từ 1/1/2009</b>
	<b>đến 30/9/2010</b>	<b>đến 30/9/2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ	3.437.575.954	18.702.735.510
Tăng dự phòng trong kỳ	8.344.711.093	4.807.088.682
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<b>11.782.287.047</b>	<b>23.509.824.192</b>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

**5. Hàng tồn kho**

	<b>30/9/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Hàng mua đang đi đường	48.485.774.645	43.137.980.037
Nguyên vật liệu	120.936.538.881	103.113.760.970
Sản phẩm dở dang	33.476.003.216	23.646.623.630
Thành phẩm	151.317.550.277	123.666.936.711
Hàng hóa	6.919.192.289	7.468.594.766
Hàng gửi đi bán	3.954.103.186	10.542.785.426
	<hr/>	<hr/>
	365.089.162.494	311.576.681.540
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.965.968.111 )	(4.844.824.822)
	<hr/>	<hr/>
	362.123.194.383	306.731.856.718
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ từ 1/1/2010</b>	<b>Kỳ từ 1/1/2009</b>
	<b>đến 30/9/2010</b>	<b>đến 30/9/2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ	4.844.824.822	-
Sử dụng trong kỳ	(1.878.856.711)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.965.968.111	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa VNĐ</b>	<b>Máy móc và thiết bị VNĐ</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VNĐ</b>	<b>Thiết bị văn phòng VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	46.320.684.732	107.658.874.657	45.549.529.998	32.360.212.090	231.889.301.477
Tăng trong kỳ	2.242.199.555	19.079.349.947	5.653.125.818	5.311.799.197	32.286.474.517
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.048.925.247	2.728.654.849	14.869.515.969	857.095.273	23.504.191.338
Chuyển qua bất động sản đầu tư	(4.787.298.437)	-	-	-	(4.787.298.437)
Thanh lý	(255.594.801)	(1.006.608.550)	(5.079.642.787)	(557.240.907)	(6.899.087.045)
Số dư cuối kỳ	48.568.916.296	128.460.270.903	60.992.528.998	37.971.865.653	275.993.581.850
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	15.873.078.098	58.019.609.340	18.432.838.029	20.730.631.780	113.056.157.247
Khấu hao trong kỳ	2.983.437.260	13.026.110.313	5.934.760.863	3.582.947.233	25.527.255.669
Chuyển qua bất động sản đầu tư	(790.165.696)	-	-	-	(790.165.696)
Thanh lý	(255.594.801)	(731.051.972)	(2.666.802.327)	(518.843.961)	(4.172.293.061)
Số dư cuối kỳ	17.810.754.861	70.314.667.681	21.700.796.565	23.794.735.052	133.620.954.159
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	30.447.606.634	49.639.265.317	27.116.691.969	11.629.580.310	118.833.144.230
Số dư cuối kỳ	30.758.161.435	58.145.603.222	39.291.732.433	14.177.130.601	142.372.627.691

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

**7. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất vô thời hạn VNĐ</b>	<b>Quyền sử dụng đất có thời hạn VNĐ</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	58.831.043.545	52.516.207.480	2.287.729.160	113.634.980.185
Tăng trong kỳ	13.203.644.075	-	55.581.250	13.259.225.325
Điều chỉnh giá mua	-	(5.364.173.499)	-	(5.364.173.499)
Số dư cuối kỳ	72.034.687.620	47.152.033.981	2.343.310.410	121.530.032.011
<b>Phân bổ lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ			715.332.425	715.332.425
Phân bổ trong kỳ		2.601.894.790	279.849.284	2.881.744.074
Số dư cuối kỳ	-	2.601.894.790	995.181.709	3.597.076.499
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	58.831.043.545	52.516.207.480	1.572.396.735	112.919.647.760
Số dư cuối kỳ	72.034.687.620	44.550.139.191	1.348.128.701	117.932.955.512

**8. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/9/2010 VNĐ</b>	<b>Kỳ từ 1/1/2009 đến 30/9/2009 VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ	5.262.347.125	2.002.554.431
Tăng trong kỳ	24.294.636.655	27.076.476.824
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(23.504.191.338)	(18.412.058.988)
Xóa sổ	(4.094.635.724)	(1.923.919.612)
Số dư cuối kỳ	1.958.156.718	8.743.052.655

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

**9. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Chuyển từ tài sản cố định	4.787.298.437
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<u>4.787.298.437</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Chuyển từ tài sản cố định	790.165.696
Phân bổ trong kỳ	336.330.945
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<u>1.126.496.641</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư cuối kỳ	<u>3.660.801.796</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và cũng không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

**10. Đầu tư dài hạn**

	<b>30/9/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		
▪ Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	4.441.492.190	3.868.187.384
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm nang mềm DHG	12.304.104.617	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	17.300.000.000	20.000.000.000
	<b>34.045.596.807</b>	<b>23.868.187.384</b>
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Dương	4.286.800.000	4.286.800.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Nghệ An	3.922.880.000	3.922.880.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
▪ Công ty Cổ phần Dược - Mỹ phẩm và Thương mại Bà Rịa – Vũng Tàu	70.000.000	70.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
	<b>11.901.050.200</b>	<b>11.901.050.200</b>

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ từ 1/1/2010</b>	<b>Kỳ từ 1/1/2009</b>
	<b>đến 30/9/2010</b>	<b>đến 30/9/2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ	23.868.187.834	3.741.772.333
Đầu tư mới trong kỳ	13.615.000.000	20.000.000.000
Thanh lý đầu tư trong kỳ	(157.550.000)	-
Lợi nhuận hoặc lỗ được chia từ công ty liên kết	485.427.138	(301.898.360)
Phân bổ lợi thế thương mại	(3.239.688.165)	-
Cổ tức	(525.780.000)	-
Số dư cuối kỳ	<b>34.045.596.807</b>	<b>23.439.873.973</b>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/9/2010	31/12/2009
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Sản xuất và kinh doanh Tảo Spirulina.	Số 4803000150 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 2 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Dược phẩm nang mềm DHG	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm dưới dạng viên nang mềm.	Số 3700634575 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 1 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh.	Số 4603000373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007	20%	20%

---

## 11. Chi phí trả trước dài hạn

	Nâng cấp tài sản thuê VNĐ	Chi phí đất trả trước VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu kỳ	2.128.813.850	34.060.309.920	36.189.123.770
Tăng trong kỳ	548.786.000	1.099.000.000	1.647.786.000
Phân bổ trong kỳ	(643.241.978)	(302.830.415)	(946.072.393)
Số dư cuối kỳ	<b>2.034.357.872</b>	<b>34.856.479.505</b>	<b>36.890.837.377</b>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

**12. Vay ngắn hạn**

	<b>30/9/2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>
Khoản vay từ Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	58.441.135.487
Khoản vay từ nhân viên của Tập đoàn (*)	16.217.131.913	15.538.526.645
	<hr/>	<hr/>
	16.217.131.913	73.979.662.132
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(\*) Các khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất tháng từ 0.55% đến 0.6% trong kỳ (2009: từ 0.55% đến 0.6%).

**13. Phải trả thương mại**

	<b>30/9/2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>
Phải trả thương mại cho các công ty liên kết	932.730.000	497.185.000
Phải trả thương mại cho bên thứ ba	71.308.522.191	70.855.488.093
	<hr/>	<hr/>
	72.241.252.191	71.352.673.093
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**14. Thuế và các khoản khác phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<b>30/9/2010</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>
Thuế giá trị gia tăng	5.247.756.338	5.838.024.488
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.091.640.903	24.894.637.621
Thuê đất	3.875.424.860	4.901.373.016
Khác	<hr/>	<hr/>
	21.214.822.101	35.634.035.125
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

Chi tiết từng khoản thuế như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.838.024.488	19.155.091.880	(19.746.951.836)	5.246.164.532
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	16.952.228.809	(16.952.228.809)	-
Thuế xuất. nhập khẩu	(129.164.970)	5.936.866.546	(5.895.445.595)	(87.744.019)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.894.637.621	33.096.415.839	(45.899.412.557)	12.091.640.903
Thuế thu nhập cá nhân	4.344.317.665	25.256.287.823	(25.725.180.628)	3.875.424.860
Thuê đất	-	2.165.474.402	(2.165.474.402)	-
Thuế khác	555.713.165	107.048.592	(662.761.757)	-
<b>Cộng</b>	<u>35.503.527.969</u>	<u>102.669.413.891</u>	<u>(117.047.455.584)</u>	<u>21.125.486.276</u>

---

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

**15. Chi phí trích trước**

	<b>30/9/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Giảm giá hàng bán	78.604.728.365	112.988.553.921
Chi phí khuyến mại	38.529.822.450	23.842.585.427
Chi phí hội thảo	14.056.006.689	9.932.467.215
Chi phí quảng cáo		2.378.127.202
Lãi vay phải trả	56.740.949	494.386.493
Khác	9.239.857.524	11.529.057.136
	<hr/>	<hr/>
	<b>140.487.155.977</b>	<b>161.165.177.394</b>

**16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được lập bằng việc phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo nghị quyết Đại hội Cổ đông của Tập đoàn.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Quỹ khen thưởng phúc lợi VNĐ</b>	<b>Quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ	7.657.726.713	1.127.842.133	8.785.568.846
Phân bổ quỹ	35.809.988.401	12.218.407.473	48.028.395.874
Sử dụng quỹ	(13.834.714.929)	(7.623.218.212)	(21.457.933.141)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<b>29.633.000.185</b>	<b>5.723.031.394</b>	<b>35.356.031.579</b>

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

**17. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VNĐ
Số dư đầu kỳ	14.189.209.835
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.268.103.908
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(1.517.776.098)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<u>13.939.537.645</u>

**18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

	VNĐ
Số dư đầu kỳ	38.700.159.618
Sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ	(470.130.252)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<u>38.230.029.366</u>

**19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/9/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	26.912.962	269.129.620.000	26.662.962	266.629.620.000
Cổ phiếu ngân quỹ	(10.130)	(455.850.000)	(9.120)	(410.400.000)
	<hr/>			
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	<u>26.902.832</u>	<u>268.673.770.000</u>	<u>26.653.842</u>	<u>266.219.220.000</u>

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị gián đoạn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.



**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

Biến động về vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/9/2010		Kỳ từ 1/1/2009 đến 30/9/2009	
	Số CP	VNĐ	Số CP	VNĐ
Số dư đầu kỳ	26.653.842	266.219.220.000	19.993.500	199.707.500.000
Cổ phiếu thưởng phát hành trong kỳ	250.000	2.500.000.000	6.662.962	66.629.620.000
Cổ phiếu ngân quỹ mua lại trong kỳ	(3.040)	(136.800.000)	(2.620)	(117.900.000)
Cổ phiếu ngân quỹ phát hành lại trong kỳ	2.030	91.350.000	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>26.902.832</b>	<b>268.673.770.000</b>	<b>26.653.842</b>	<b>266.219.220.000</b>

## 20. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/9/2010	Kỳ từ 1/1/2009 đến 30/9/2009
Số dư đầu kỳ	7.780.847.035	3.184.746.375
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số trong kỳ	1.810.186.083	2.384.040.154
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho cổ đông thiểu số	(790.438.688)	(232.490.594)
Phí cho Hội đồng Quản trị tính cho cổ đông thiểu số	(447.149.578)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.353.444.852</b>	<b>5.336.295.935</b>

## 21. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/9/2009	30/9/2010	30/9/2009
Tổng doanh thu				
▪ Thành phẩm đã bán	487.134.341.857	422.771.093.863	1.288.650.248.410	1.165.450.836.231
▪ Hàng hóa đã bán	21.338.618.382	4.907.128.030	52.114.986.355	51.538.412.194
▪ Cung cấp dịch vụ	1.414.333.628	1.004.059.045	3.258.457.393	1.004.059.045
▪ Hàng khuyến mại	10.134.209.759	1.378.506.339	41.691.186.048	18.181.772.633

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

	520.021.503.626	430.060.787.277	1.385.714.878.206	1.236.175.080.103
Các khoản giảm trừ				
▪ Giảm giá hàng bán	(4.072)	(755.528)	(4.072)	(30.334.205)
▪ Chiết khấu thương mại	(2.051.054)		(16.622.587)	
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.255.904.173)	(5.916.581.236)	(13.119.261.860)	(18.235.478.437)
	(2.257.959.299)	(5.917.336.764)	(13.135.888.519)	(18.265.812.642)
Doanh thu thuần	517.763.544.327	424.143.450.513	1.372.578.989.687	1.217.909.267.461
Trong đó				
▪ Thành phẩm đã bán	484.941.606.337	416.536.616.990	1.275.677.770.863	1.146.924.820.355
▪ Hàng hóa đã bán	21.273.394.604	4.964.064.905	51.951.575.383	51.538.412.194
▪ Cung cấp dịch vụ	1.414.333.628	-	3.258.457.393	
▪ Hàng khuyến mại	10.134.209.759	2.642.768.618	41.691.186.048	19.446.034.912

**22. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/9/2010 VNĐ		Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2010 VNĐ	
	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ	30/9/2010 VNĐ	30/9/2009 VNĐ
Thành phẩm đã bán	242.687.032.400	181.041.306.262	613.788.978.864	505.665.363.039
Hàng hóa đã bán	18.693.239.719	12.614.809.192	45.345.732.685	44.367.966.785
Chi phí dịch vụ	1.348.492.628	-	2.899.306.711	
Hàng khuyến mại	2.488.210.340	2.483.464.980	39.171.779.202	19.008.545.918
	265.216.975.087	196.139.580.434	701.205.797.462	569.041.875.742

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/9/2009	30/9/2010	30/9/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thu lãi tiền gửi	8.830.676.617	6.446.773.005	26.938.902.395	14.307.396.787
Cổ tức	42.037.800	120.796.883	314.501.500	1.351.986.515
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.605.288.098	173.679.537	3.526.449.490	1.326.934.032
	<b>10.478.002.515</b>	<b>6.741.249.425</b>	<b>30.779.853.385</b>	<b>16.986.317.334</b>

**24. Chi phí hoạt động tài chính**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/9/2009	30/9/2010	30/9/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	269.031.085	1.718.954.884	1.304.528.070	1.959.257.883
Lỗ chênh lệch tỷ giá	433.068.560	114.457.387	1.077.136.335	624.852.019
Dự phòng đầu tư dài hạn	-	-	-	12.513.881.449
Chiết khấu thanh toán	-	3.125.465.036		12.134.405.381
Chi phí khác	25.000.100	7.032	72.003.633	21.655.706
	<b>727.099.745</b>	<b>4.958.884.339</b>	<b>2.453.668.038</b>	<b>27.254.052.438</b>

**25. Thu nhập khác**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/9/2009	30/9/2010	30/9/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thu nhập từ bán phế liệu	337.213.823	482.732.455	619.924.302	664.216.157
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	2.354.445.761	42.994.590	3.777.348.739	206.530.046
Khác	3.608.398.760	559.711.464	4.140.058.647	736.525.257
	<b>6.300.058.344</b>	<b>1.085.438.509</b>	<b>8.537.331.688</b>	<b>1.607.271.460</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

**26. Chi phí khác**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/9/2009	30/9/2010	30/6/2009
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được thanh lý	1.906.079.475	28.334.415	2.781.885.957	139.137.269
Khác	4.386.873.829	159.602.377	5.770.547.342	760.900.721
	<u>6.292.953.304</u>	<u>187.936.792</u>	<u>8.552.433.299</u>	<u>900.037.990</u>

**27. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán**

	30/9/2010	31/12/2009
Tài sản thuế hoãn lại		
Các khoản dự phòng	2.005.697.660	1.862.190.161
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.473.174.704	1.551.763.843
Tổng tài sản thuế hoãn lại	<u>3.478.872.364</u>	<u>3.413.954.004</u>
Nợ thuế hoãn lại		
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	53.099.844
Tổng nợ thuế hoãn lại	<u>-</u>	<u>53.099.844</u>
	<u>3.478.872.364</u>	<u>3.360.854.160</u>

**(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/9/2009	30/9/2010	30/9/2009
Chi phí thuế hiện hành	10.520.286.556	8.047.577.664	33.096.415.838	24.022.595.562
Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại	(122.599.605)	(332.962.131)	(118.018.654)	(517.882.207)
Thuế thu nhập	<u>10.397.686.951</u>	<u>7.714.615.533</u>	<u>32.978.397.184</u>	<u>23.504.713.355</u>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

**(c) Thuế suất áp dụng**

**Công ty**

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2004 đến năm 2013 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2006 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2007 đến năm 2011.

**Các công ty con**

Ngoại trừ Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG, Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT, Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG, Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST và Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu, các công ty con khác trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG (“DHG PP”)**

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Công ty DHG PP có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của DHG PP cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2012.

**Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT (“HT Pharma”)**

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, HT Pharma có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của HT Pharma cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2016.

**Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG (“DHG Nature”)**

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, DHG Nature có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của DHG Nature cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2013.

**Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST (“ST Pharma”)**

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, ST Pharma có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của ST Pharma cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2014.

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

**Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu (“SH Pharma”)**

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, SH Pharma có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2008 đến năm 2019 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của SH Pharma cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2010 đến năm 2014.

**28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/9/2009	30/9/2010	30/9/2009
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	78.546.417.168	74.648.972.539	244.300.385.188	220.565.929.035

**(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/9/2009	30/9/2010	30/9/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	26.652.326	19.992.530	26.653.842	19.993.500
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành trong kỳ	250.000	6.662.962	250.000	6.662.962
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 3 năm 2009	-	-	-	(467)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 3 năm 2010	-	-	(1.632)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu tái phát hành tháng 6 năm 2010	-	-	910	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối kỳ	26.902.326	26.655.492	26.903.120	26.655.995

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

## **29. Cổ tức**

Đại hội Cổ đông của Công ty ngày 29 tháng 4 năm 2010 quyết định chia cổ tức năm 2009 là 69.966 triệu VNĐ trong đó bao gồm cổ tức giữa kỳ là 29.989 triệu VNĐ (15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 4 tháng 9 năm 2009) và cổ tức cuối năm là 39.977 triệu VNĐ (15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 26 tháng 3 năm 2010).

## **30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

### **Các bên liên quan**

Tập đoàn có mối quan hệ liên quan với các công ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc và các nhân sự điều hành.

### **Giao dịch với các công ty liên kết**

Ngoài số dư với các công ty liên kết được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên kết:

	<b>Kỳ chín tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/9/2010</b>	<b>30/9/2009</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường</b>		
Mua nguyên vật liệu	671.600.000	661.010.900
Cổ tức	300.000.000	400.000.000
Gia công		2.594.656.000
<b>Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo</b>		
Mua nguyên vật liệu	5.959.000.000	2.467.181.364
Gia công		100.571.152
<b>Công ty Cổ phần DHG Softcaps</b>		
Mua nguyên vật liệu	3.724.984.231	-
Phí gia công	2.038.731.212	-

### **Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt**

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt là:

	<b>Kỳ chín tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/9/2010</b>	<b>30/9/2009</b>
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	4.650.394.087	2.727.460.311

---

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 (tiếp theo)**

---

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2010	30/9/2009
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	628.076.080.536	503.786.834.296
Chi phí nhân công và nhân viên	360.029.711.247	259.614.528.025
Chi phí khấu hao và phân bổ	28.713.482.199	22.202.777.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.489.172.094	124.048.564.283
Các chi phí khác	53.561.482.910	103.285.993.372

---

---

**32. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày kỳ hiện hành như sau:

	31/12/2009	31/12/2009
	(phân loại lại)	(như đã báo cáo trước đây)
	VNĐ	VNĐ
Chi phí trích trước	161.165.177.394	199.865.337.012
Phải trả khác	14.743.628.344	15.871.470.477
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	8.785.568.846	7.657.726.713
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	38.700.159.618	-

---

---

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Phạm Huyền Nhung  
*Kế toán trưởng*

Lê Chánh Đạo  
*Phó Tổng Giám đốc*

ngày 27 tháng 10 năm 2010